

## **Phần một: Ý ĐỊNH BÀI GIẢNG (05 phút)**

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

Trang bị cho đoàn viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi về sự ra đời của Đảng Cộng Sản Việt Nam là một tất yếu khách quan; vai trò và những thành tựu lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng; những bài học kinh nghiệm chủ yếu của Đảng trong tiến trình lãnh đạo Cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay.

Củng cố niềm tin sắt son với Đảng, với con đường Cách mạng mà Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và cả dân tộc Việt Nam đã lựa chọn; nâng cao nhận thức, tự hào về truyền thống cách mạng vẻ vang của Đảng và của dân tộc Việt Nam. Từ đó, tích cực rèn luyện phấn đấu tham gia xây dựng bảo vệ Đảng.

Vận dụng sáng tạo những kiến thức được học vào thực tiễn công tác, tăng cường bảo vệ Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

### **II. NỘI DUNG**

1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối giải phóng dân tộc, mở ra sự phát triển mới của cách mạng và dân tộc Việt Nam.

2. Quá trình lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay.

3. Một số bài học kinh nghiệm chủ yếu của đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam

Trọng tâm:

- Phần II. Quá trình lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay.

- Phần III. Một số bài học kinh nghiệm chủ yếu của đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Trọng điểm:

- Phần III. Một số bài học kinh nghiệm chủ yếu của đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

### **III. ĐỐI TƯỢNG**

Đoàn viên nhập ngũ năm ....

### **IV. PHƯƠNG PHÁP**

- Người giảng: Giảng giải thuyết trình, phân tích lấy ví dụ minh họa, kết hợp phương tiện trình chiếu Powerpoint đọc chậm nội dung chính, giới thiệu dứt điểm từng nội dung.

- Người học: Tập trung nghe giảng, ghi chép nội dung chính của bài, ôn luyện các nội dung đã được định hướng.

### **V. THỜI GIAN**

- Tổng thời gian toàn bài: 03 giờ
- Thời gian lên lớp: 02 giờ
- Thảo luận, ôn tập và hoạt động bổ trợ: 50 phút
- Thời gian nghỉ giải lao: 10 phút

## **VI. ĐỊA ĐIỂM**

- Lên lớp: Tại phòng giao ban Đại đội.
- Thảo luận, ôn tập: Tại phòng Trung đội.

## **VII. TÀI LIỆU**

- Tài liệu “Các bài học lý luận chính trị dành cho đoàn viên” nhà xuất bản Thanh niên, năm 2020.
- Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh – trực thuộc Bộ Chính trị (1996), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp – Thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội.
- Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh – trực thuộc Bộ Chính trị (1995), *Tổng kết kháng chiến chống thực dân Mỹ, cứu nước – Thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Ban Tư tưởng – Văn hóa Trung ương (2006), *Những thành công lớn của các Đại hội Đảng trong thời kỳ đổi mới (1986-2006)*, Hà Nội.
- Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng – Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (2011), *Tài liệu chuyên đề bồi dưỡng lý luận chính trị dành cho cán bộ Đoàn cơ sở*, Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương, Ban Chỉ đạo tổng kết (2015), *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận – thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X, XI)* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Lê Hữu Tầng (2003), *Chủ nghĩa xã hội: Từ lý luận đến thực tiễn – những bài học kinh nghiệm chủ yếu*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

## **Phần hai: NỘI DUNG (105 phút)**

### **I. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI, CHẤM DỨT SỰ KHỦNG HOẢNG VỀ ĐƯỜNG LỐI GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, MỞ RA SỰ PHÁT TRIỂN MỚI CỦA CÁCH MẠNG VÀ DÂN TỘC VIỆT NAM (25 phút)**

#### **1. Sự khủng hoảng về đường lối giải phóng dân tộc Việt Nam (10 phút)**

Từ nửa sau thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh phát triển sang chủ nghĩa đế quốc, đẩy mạnh xâm chiếm các thuộc địa với chủ nghĩa đế quốc ngày càng gay gắt.

Trước tình hình đó, phong trào đấu tranh đòi độc lập dân tộc ở các nước thuộc địa phát triển mạnh mẽ, tác động sâu sắc đến Việt Nam. Đặc biệt, thắng lợi của cuộc cách mạng tháng Mười Nga (1917) và sự ra đời của Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III năm 1919) làm biến đổi sâu sắc tình hình thế giới, mở đầu thời đại mới – thời đại quá độ lên chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

Đối với Việt Nam, ngày 01-09-1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Năm 1884, triều đình nhà Nguyễn ký với Chính phủ Pháp bản Hiệp ước Pa-tơ-nốt thừa nhận sự thống trị của thực dân Pháp trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Thực dân Pháp xã lập chế độ cai trị và khai thác thuộc địa ở Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực:

Về chính trị: Thực dân Pháp thực thi chính sách “chia để trị”.

Về kinh tế: Thực dân Pháp tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897-1914), lần thứ hai (1919-1929).

Về văn hóa: Thi hành triệt để chính sách văn hóa nô dịch, ngăn chặn mọi ảnh hưởng của nền văn hóa tiên bộ trên thế giới vào Việt Nam.

Dưới tác động của chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam đã có những biến chuyển sâu sắc:

Về tính chất xã hội: Từ xã hội phong kiến thành xã hội thuộc địa nửa phong kiến.

Về mâu thuẫn cơ bản trong xã hội: Nổi lên hai mâu thuẫn cơ bản; mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai; mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến

Về cơ cấu giai cấp trong xã hội: Nổi lên mâu thuẫn cơ bản: Mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai; mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến.

Về cơ cấu giai cấp trong xã hội: Giai cấp cũ bị phân hóa (địa chủ phong kiến và nông dân); đồng thời, xuất hiện những giai cấp và tầng lớp mới (công nhân, tư sản và tiểu tư sản)

Thực tiễn lịch sử Việt Nam đặt ra những yêu cầu cơ bản cần phải giải quyết, đó là: Đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập dân tộc, tự do cho Nhân dân và xóa bỏ chế độ phong kiến, giành quyền dân chủ cho Nhân dân. Trong đó, chống đế quốc, giải phóng dân tộc là nhiệm vụ trước mắt và nổi lên hàng đầu.

Trước yêu cầu của lịch sử, phong trào đấu tranh chống Pháp đã diễn ra mạnh mẽ:

- Phong trào Cần Vương (1885-1896): Điển hình là các cuộc khởi nghĩa Ba Đình (Thanh Hóa), Bãi Sậy (Hưng Yên), Hương Khê (Hà Tĩnh)..., với những sĩ phu phong kiến yêu nước như: Phan Đình Phùng, Tống Duy Tân, Nguyễn Thiện Thuật, Đinh Công Tráng...

- Khởi nghĩa nông dân Yên Thế (Bắc Giang) dưới sự lãnh đạo của thủ lĩnh nông dân Hoàng Hoa Thám, là cuộc đấu tranh anh dũng của nông dân Việt Nam kéo dài gần 30 năm (1884-1913).

- Phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản với xu hướng bạo động của Phan Bội Châu và xu hướng cải cách của Phan Chu Trinh

Phan Bội Châu chủ trương bạo động để giành độc lập dân tộc nhưng dựa vào sự giúp đỡ bên ngoài (dựa vào Nhật để đánh Pháp), thiết lập một nhà nước theo mô hình quân chủ lập hiến như của Nhật (1905) và sau đó theo chế độ cộng hòa tư sản như ở Trung Quốc (1912).

Phan Chu Trinh chủ trương bất bạo động, tiến hành cải cách văn hóa, mở mang dân trí, làm cho dân giàu, nước mạnh, nhưng lại dựa vào nhà nước “bảo hộ Pháp”.

- + Phong trào Quốc gia cải lương của bộ phận tư sản và địa chủ lớp trên (1919-1923).

- + Phong trào Yêu nước dân chủ công khai của tiểu tư sản thành thị và tư sản lớp dưới (1925-1926).

- + Phong trào Cách mạng quốc gia tư sản của Việt Nam Quốc dân Đảng do Nguyễn Thái Học đứng đầu (1927-1930) và cuộc khởi nghĩa Yên Bái (tháng 02-1930).

Như vậy, vào những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, tiếp tục truyền thống yêu nước, bất khuất kiên cường chống ngoại xâm, các phong trào chống thực dân Pháp theo ý thức hệ phong kiến, tư sản của Nhân dân ta diễn ra rất sôi nổi và liên tục, nhưng tất cả đều không thành công. Sự thất bại đó do nguyên nhân các giai cấp lãnh đạo lạc hậu, non yếu; không nhận thức đúng yêu cầu khách quan của lịch sử giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp, giải phóng con người; không tập hợp và tổ chức được đông đảo các giai tầng yêu nước; những hạn chế trong phương pháp đấu tranh... Việt Nam lâm vào khủng hoảng bế tắc đường lối cứu nước, nhiệm vụ lịch sử đặt ra cho các thế hệ yêu nước đương thời là cần phải có một tổ chức cách mạng tiên phong, có đường lối cứu nước đúng đắn để giải phóng dân tộc

## **2. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (15 phút)**

Trong hoàn cảnh Việt Nam đang rơi vào khủng hoảng về đường lối giải phóng dân tộc, với nhiệt huyết cứu nước, với thiên tài trí tuệ, nhãn quan chính trị sắc bén và được kế thừa các giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam,

***ngày 05-6-1911, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc.***

Nguyễn Tất Thành sáng Pháp, Mỹ, Anh và nhiều nước thuộc địa của đế quốc, thực dân. Trải qua nhiều nghề lao động khác nhau, Người đã rút ra một kết luận quan trọng: Ở đâu bọn đế quốc thực dân cũng tàn bạo độc ác, ở đâu người lao động cũng bị bóc lột dã man.

Đầu năm 1919, Nguyễn Ái Quốc tham gia Đảng Xã hội Pháp, một chính đảng tiên bộ ở Pháp lúc đó. Tháng 6-1919, các nước thắng trận họp Hội nghị Hòa bình ở Vécxây (Pháp), Nguyễn Ái Quốc thay mặt Hội những người Việt Nam yêu nước ở Pháp gửi tới hội nghị bản yêu sách tám điểm. Những yêu sách của Người không được Hội nghị đáp ứng. Sự kiện này đã giúp Nguyễn Ái Quốc hiểu rõ: “Chủ nghĩa Uynxon chủ là một trò bịp lớn”. ***Tháng 7-1920, Nguyễn Ái Quốc được đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I.Leeenin đăng trên báo L’Humanite (nhân đạo), số ra ngày 16 và 17-7-1920. Những luận điểm cách mạng của Lê nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa đã giải đáp những vấn đề cơ bản và chỉ dẫn hướng phát triển của sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc sau gần 10 năm tìm kiếm (1911-1920) Nguyễn Ái Quốc mới bắt gặp.***

***Tại Đại hội lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp (tháng 12-1920), Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế thứ ba (Quốc tế Cộng sản do Lênin thành lập). Đây cũng là sự kiện Nguyễn Ái Quốc trở thành một trong những sáng lập viên của Đảng Cộng sản Pháp và là người cộng sản đầu tiên của dân tộc Việt Nam, đánh dấu bước chuyển biến quyết định trong tư tưởng và lập trường chính trị của Nguyễn Ái Quốc, từ lập trường yêu nước chuyển sang lập trường cộng sản.***

***Từ đây, Người tiếp tục học tập bổ sung hoàn thiện tư tưởng cứu nước, đồng thời tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin về Việt Nam nhằm chuẩn bị các tiền đề về tư tưởng, chính trị và tổ chức, cán bộ cho sự ra đời chính đảng tiên phong ở Việt Nam.***

***Về tư tưởng: Người tích cực tố cáo, lên án bản chất bóc lột của chủ nghĩa thực dân đối với Nhân dân các nước thuộc địa và kêu gọi, thức tỉnh Nhân dân bị áp bức đấu tranh giải phóng.***

***Về chính trị: Thông qua những tác phẩm lý luận tiêu biểu, Nguyễn Ái Quốc khẳng định con đường cách mạng của các dân tộc bị áp bức “chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới”. Mặt khác, cách mạng giải phóng dân tộc có thể thành công trước cách mạng chính quốc, góp phần thúc đẩy cách mạng chính quốc. Cách mạng muốn giành được thắng lợi thì “trước hết phải có Đảng cách mệnh”.***

***Về tổ chức: Tháng 6-1925, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được thành lập tại Quảng Châu (Trung Quốc), từ đó đã có tác dụng thúc đẩy***

*phong trào yêu nước Việt Nam theo khuynh hướng cách mạng vô sản, nâng cao ý thức giác ngộ và lập trường cách mạng của giai cấp công nhân. Tháng 3-1929, tại số nhà 5D, phố Hàm Long, Hà Nội, Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam ra đời. Tiếp đó, các tổ chức cộng sản liên tiếp được thành lập: Đông Dương Cộng sản Đảng tại Bắc Kỳ (6-1929), An Nam Cộng sản Đảng tại Nam Kỳ (7-1929) và Đông Dương Cộng sản liên đoàn tại Trung Kỳ (9-1929).*

Sự ra đời của các tổ chức cộng sản phản ánh sự phát triển nhảy vọt của phong trào cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, sự tồn tại của ba tổ chức cộng sản hoạt động biệt lập trong một quốc gia là nguy cơ dẫn đến chia rẽ trong phong trào cách mạng. Yêu cầu bức thiết là thống nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng cộng sản duy nhất để lãnh đạo phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và Nhân dân Việt Nam.

Với sự nhạy bén về chính trị, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

*Từ 06-01 đến 07-02-1930, Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản họp tại bán đảo Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc) dưới sự chủ trì của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Hội nghị nhất trí thành lập một đảng thống nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Đồng thời, Hội nghị thông qua Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Chương trình tóm tắt của Đảng, Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam, Điều lệ tóm tắt của các hội quần chúng. Trong đó, nội dung của Chánh cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt thể hiện rõ đường lối của cách mạng Việt Nam, với chủ trương “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”*

*Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã phản ánh sự kết hợp giữa đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc ở nước ta trong những năm đầu thế kỷ XX; đồng thời, là sản phẩm của sự kết hợp giữa Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Đó là một mốc lớn, bước ngoặt trọng đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam, chấm dứt một cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước. Sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam với Cương lĩnh, đường lối cách mạng đúng đắn chứng tỏ giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành, đủ sức lãnh đạo cách mạng.*

*Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam gắn liền với tên tuổi của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh, người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta.*

## **II. QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TỪ NĂM 1950 ĐẾN NAY (55 phút)**

**1. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền và bảo vệ nền độc lập, tự do của dân tộc (20 phút)**

**- Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền và Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945**

Với đường lối cách mạng đúng đắn, Đảng đã quy tụ đoàn kết xung quanh mình tất cả các giai cấp và tầng lớp yêu nước không phân biệt dân tộc, tôn giáo xây dựng nên lực lượng cách mạng to lớn và rộng khắp trong cả nước, đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược và bọn phong kiến tay sai.

***Qua 15 năm (1930-1945) lãnh đạo cách mạng, trải qua đấu tranh gian khổ, mặc dù gặp phải những tổn thất hy sinh to lớn nhưng Đảng vẫn giữ vững ý chí chiến đấu, kiên định cách mạng, trung thành với mục tiêu tư tưởng của mình. Đảng đã lãnh đạo Nhân dân tiến hành ba cao trào cách mạng, đó là:***

- + Cao trào cách mạng (1930-1931) với đỉnh cao Xô Viết – Nghệ Tĩnh.***
- + Cao trào cách mạng dân sinh, dân chủ (1936-1939).***
- + Cao trào cách mạng giải phóng dân tộc (1939-1945) với đỉnh cao Cách mạng tháng Tám năm 1945.***

Trên cơ sở nắm bắt tình hình trong nước và quốc tế, Đảng đã dự báo đúng thời cơ lịch sử và chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết để lãnh đạo Nhân dân tiến hành khởi nghĩa. Với nghệ thuật lãnh đạo và tổ chức khởi nghĩa tài tình, ***Đảng đã lãnh đạo cuộc Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công trọn vẹn. Chỉ trong một thời gian ngắn (từ ngày 14 đến ngày 28-8-1945), Nhân dân Việt Nam đã vùng lên đập tan xiềng xích nô lệ của chế độ thực dân, lật nhào chế độ phong kiến tay sai, giành chính quyền về tay nhân dân.***

***Ngày 02-9-1945, thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa – Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, đưa dân tộc ta bước sang một kỷ nguyên mới – kỷ nguyên độc lập, tự do, tiến lên chủ nghĩa xã hội.*** Đánh giá ý nghĩa lịch sử của thắng lợi này, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Chẳng những giai cấp lao động và Nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”.

***- Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)***

***Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải đối mặt với những khó khăn, thách thức nghiêm trọng: Nền kinh tế kiệt quệ, ngân sách quốc gia trống rỗng, nạn đói tiếp tục đe dọa; hơn 90% dân số mù chữ, các tệ nạn xã hội do chế độ cũ để lại nặng nề; trong khi đó, ngoại xâm và nội phản cấu kết với nhau chống phá chính quyền cách mạng non trẻ. Vận mệnh của Tổ quốc như “ngàn cân treo sợi tóc”.***

***Trước yêu cầu mới của lịch sử, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kịp thời đề ra những chủ trương, quyết sách đúng đắn, toàn diện trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng... Cụ thể là:***

- Lãnh đạo xây dựng chế độ dân chủ nhân dân: Tiến hành bầu cử Quốc hội khóa I (6-1-1946), thành lập Chính phủ chính thức (02-3-1946) và thông qua Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (09-11-1946)

- Phát động phong trào chống “giết đói, giết dốt”, xây dựng nền văn hóa mới, xóa bỏ tàn dư văn hóa nô dịch của thực dân.

- Lãnh đạo nhân dân Nam bộ tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp ngay từ thời điểm thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam lần thứ hai (23-9-1945).

- Tiến hành đấu tranh trên mặt trận ngoại giao; trên cơ sở phân tích âm mưu, thủ đoạn của các kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam, Đảng đã thực hiện sách lược lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù để phân hóa chúng, tránh tình thế cùng một lúc đương đầu với nhiều kẻ thù. Đó là:

+ Thực hiện sách lược nhân nhượng, hòa hoãn với quân đội Trung Hoa Dân quốc và tay sai của chúng ở miền Bắc để tập trung kháng chiến chống Pháp ở Nam bộ (từ tháng 9-1945 đến tháng 3-1946).

+ Thực hiện sách lược hòa hoãn, nhân nhượng với Pháp để đẩy nhanh quân đội Trung Hoa Dân quốc về nước, chuẩn bị kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (từ tháng 3-1946 đến tháng 12-1946).

+ Với đường lối đúng đắn, sáng suốt, vừa cứng rắn về nguyên tắc, vừa mềm dẻo về sách lược, Đảng đã huy động được sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc vượt qua muôn vàn khó khăn, nguy hiểm, củng cố giữ vững chính quyền cách mạng, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp.

**- Đảng lãnh đạo toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954).**

Bất chấp nguyện vọng yêu chuộng hòa bình của Nhân dân ta, mặc dù chúng ta đã nhân nhượng, chúng ta càng nhân nhượng thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng muốn cướp nước ta một lần nữa. Ngày 19-12-1946, Ban Thường vụ Trung ương công bố *Chỉ thị Toàn dân kháng chiến* và cùng ngày, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Thực hiện chủ trương kháng chiến của Đảng và đáp lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nhân dân cả nước đã nhất tề đứng lên với quyết tâm: “Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”.

*Chấp hành mệnh lệnh của Trung ương Đảng và Bộ Tổng chỉ huy, quân dân ta tại các thành phố, thị xã ở bắc vĩ tuyến 16 có quân Pháp chiếm đóng đồng loạt nổ súng đánh địch. Chiến sự diễn ra rất quyết liệt, đặc biệt là trong các thành phố lớn. Ngay tại Thủ đô Hà Nội, dù lực lượng chênh lệch, vũ khí thô sơ chống lại kẻ địch tinh nhuệ được trang bị hiện đại, nhưng với tinh thần “Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh”, đồng bào, chiến sĩ ta vẫn kiên cường bám trụ, giành nhau với địch từng căn nhà, từng góc phố. Cùng với Hà Nội, quân dân các địa phương khắp Bắc, Trung, Nam đã anh dũng đứng lên chống thực dân Pháp xâm lược. Cả dân tộc chung sức đồng lòng với ý chí sục sôi, niềm tin*



tất thắng. Trải qua gần 2 tháng liên tục chiến đấu và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đề ra (tiêu hao, giam chân địch trong thành phố, tạo điều kiện di chuyển các cơ quan, kho tàng, tổ chức nhân dân tản cư về vùng căn cứ xây dựng thế trận kháng chiến lâu dài), lực lượng ta chủ động rút về hậu phương an toàn.

**Với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính, vừa kháng chiến vừa kiến quốc, Đảng ta đã tổ chức, lãnh đạo Nhân dân vượt qua những khó khăn, giành thắng lợi vĩ đại trong kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp xâm lược.**

**Chiến thắng Điện Biên Phủ (từ ngày 13-3-1954 đến ngày 7-5-1954) đã đi vào lịch sử dân tộc ta như một Bạch Đằng, một Chi Lăng hay một Đống Đa của thế kỷ XX, đi vào lịch sử thế giới như một chiến công chói lọi, đột phá thành trì của đế quốc, báo hiệu sự sụp đổ hoàn toàn không tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân cũ.** Đánh giá ý nghĩa lịch sử của thắng lợi này, Hồ Chủ tịch viết: “Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã thắng nước thực dân hùng mạnh. Đó là thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội thế giới”...

Sau 55 ngày đêm chiến đấu dũng cảm, mưu trí, sáng tạo, quân và dân ta đã đập tan toàn bộ Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, tiêu diệt và bắt sống 16.200 tên, bắn rơi 62 máy bay, thu 64 ô tô và toàn bộ vũ khí, đạn dược, quân trang quân dụng của địch

Thắng lợi đó đã làm sáng tỏ một chân lý: Trong `điều kiện thế giới ngày nay, một dân tộc dù nhỏ yếu nhưng một khi đoàn kết đứng lên, kiên quyết đấu tranh dưới sự lãnh đạo của chính Đảng Mác – Lênin để giành độc lập và dân chủ thì có đầy đủ lực lượng để chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược.

**- Đảng lãnh đạo Nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược (1954-1975)**

Với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, cách mạng Việt Nam bước vào thời kỳ mới với đặc điểm là: đất nước tạm thời chia cắt 2 miền với 2 chế độ chính trị - xã hội đối lập. Miền bắc đã có hòa bình, dưới sự lãnh đạo của Đảng đang bắt đầu xây dựng một xã hội mới. Miền nam vẫn còn dưới sách đô hộ, áp bức của chủ nghĩa đế quốc. **Con đường phát triển của cách mạng nước ta lúc này được Đảng ta xác định là phải tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược:**

**Một là, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Miền bắc, xây dựng Miền bắc thành căn cứ địa vững chắc của cả nước.**

**Hai là, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, chống đế quốc Mỹ xâm lược và tay sai, giải phóng Miền nam, thống nhất đất nước.**

Như vậy, đặc điểm lớn nhất, nét độc đáo của cách mạng Việt Nam thời kỳ này là một Đảng thống nhất lãnh đạo Nhân dân cả nước tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược. Tuy mỗi miền thực hiện một nhiệm vụ chiến lược khác nhau nhưng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó cách mạng Miền bắc giữ vai trò quyết định nhất đối với toàn bộ sự phát triển của cách mạng Việt

Nam. Cách mạng Miền nam giữ vị trí quan trọng, tác động trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng Miền nam thống nhất đất nước.

**Hơn 20 năm cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc, mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt từ năm 1965 trời đi Miền bắc phải trực tiếp đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại rất ác liệt của đế quốc Mỹ, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhân dân Miền bắc đã kiên cường trong sản xuất và chiến đấu, giành được những thành tựu to lớn, đồng thời chi viện đắc lực cho miền Nam...** Hàng triệu tấn lương thực, vũ khí, trang bị; hàng vạn thanh niên nam nữ hăng hái lên đường vào miền Nam chiến đấu. Miền bắc đã dốc sức vào chiến tranh cứu nước và giữ nước với toàn bộ sức mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa, đã làm tròn một cách xuất sắc nghĩa vụ căn cứ địa của cách mạng cả nước, xứng đáng là pháo đài của chủ nghĩa xã hội.

*Nhiệm vụ trực tiếp chi viện cho cách mạng miền Nam bắt đầu được thực hiện từ sau khi có Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 15, khóa II (tháng 1-1959). Nhận thấy yêu cầu cấp bách phải kịp thời chi viện cho đồng bào, chiến sĩ miền Nam trực tiếp chống Mỹ, ngày 19 tháng 5 năm 1959, Đoàn công tác quân sự đặc biệt được thành lập làm nhiệm vụ mở đường, vận chuyển hàng quân sự vào miền Nam; tổ chức đưa đón bộ đội, cán bộ; chuyển công văn, tài liệu từ Bắc vào Nam và ngược lại, đoàn được mang phiên hiệu Đoàn 559. Đoàn 559 phụ trách mở đường và vận chuyển hàng hóa trên bộ, theo tuyến đường Trường Sơn. Tuyến giao thông vận tải chiến lược Trường Sơn được xây dựng từng bước vươn dần vào tây Trị Thiên, tây Quân khu V, qua Tây Nguyên và tới miền Đông Nam Bộ. Từ đó về sau, con đường này tiếp tục được mở rộng, phát triển thành một hệ thống giao thông vận tải chiến lược, gồm 16.000 km đường ô tô với nhiều trục dọc, trục ngang nối tới các chiến trường và gần 1.400 km đường ống vận tải xăng dầu. Trên tuyến đường huyết mạch này, hàng triệu bộ đội, thanh niên miền Bắc đã vào Nam đánh giặc; hàng triệu tấn vật tư, binh khí kỹ thuật đã được đưa vào các chiến trường chi viện cho cuộc kháng chiến ở miền Nam và cho chiến tranh giải phóng ở Lào và Cam-pu-chia. Tuyến đường này không chỉ là tuyến giao thông vận tải đơn thuần, mà còn là một hướng chiến lược phía Tây với quy mô một quân khu, một chiến trường – công trường ngày đêm liên tục chiến đấu và xây dựng. Với tinh thần “đánh địch mà đi, mở đường mà tiến”, bất chấp hàng triệu tấn bom, đạn của đế quốc Mỹ, từ năm 1959 đến năm 1975, bộ đội Trường Sơn – đường Hồ Chí Minh đã vận chuyển 1.400.000 tấn hàng hóa, vũ khí; 5.500.000m<sup>3</sup> xăng, dầu từ hậu phương miền Bắc ra tiền tuyến.*

Đế quốc Mỹ đã dùng mọi thủ đoạn, thử nghiệm mọi chiến lược chiến tranh, sử dụng các loại vũ khí và phương tiện hiện đại trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Quy mô, tính chất cũng như mức độ ác liệt của cuộc chiến tranh mà Nhân dân ta phải đương đầu chịu đựng chưa từng có trong lịch sử.

**Song, Nhân dân Miền nam nói riêng và Nhân dân Việt Nam nói chung đã kiên cường vượt qua khó khăn gian khổ hy sinh kiên quyết đánh thắng các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ:**

- *Chiến lược “Chiến tranh đơn phương”(1954-1960).*
- *Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”(1961-1965)*
- *Chiến lược “Chiến tranh cục bộ”(1965-1968)*
- *Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”(1969-1975)*

Với những thắng lợi đó, Miền nam đã xứng đáng với danh hiệu “Thành đồng Tổ quốc”, sát cánh cùng đồng bào Miền bắc đánh bại mọi âm mưu, chiến lược của đế quốc Mỹ, góp phần trực tiếp giải phóng Miền nam, thống nhất đất nước. “Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của Nhân dân ta trong sự nghiệp đánh Mỹ cứu nước sẽ mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”.

***Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã kết thúc vẻ vang 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc; hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước; mở ra thời kỳ mới – thời kỳ độc lập, thống nhất cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.***

*Kết quả thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước:*

*Ở miền Nam: Đã đập tan 4 chiến lược chiến tranh xâm lược của 5 đời Tổng thống Mỹ: Diệt và loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1 triệu quân nguy, giết và làm bị thương 905.537 quân Mỹ và chư hầu. Thu và phá hủy hơn 46.500 máy bay các loại, hơn 13.000 khẩu pháo, 38.000 xe tăng, xe bọc thép, 10.000 tàu, xuồng chiến đấu.*

*Ở miền Bắc: Đánh thắng 2 cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ (thời Giôn-xon 8/1964 - 11/1968 và thời Ních-xon 4/1972 - 1/1973). Bắn rơi 4.181 máy bay gồm 48 kiểu hiện đại nhất, trong đó có 68 B52; 13 F111, diệt và bắt sống hàng ngàn giặc lái, 271 lần bắn cháy và bắn chìm tàu chiến, tàu biệt kích địch.*

## **2. Đảng lãnh đạo công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa từ năm 1957 đến nay (35 phút)**

a) Chủ trương và sự lãnh đạo của Đảng trong những năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước (1975-1986)

Ngay sau khi giải phóng Miền nam, mặc dù Nhân dân đã làm chủ toàn bộ đất nước, nhưng về mặt nhà nước thì vẫn còn hai Chính phủ, hai tổ chức mặt trận và các đoàn thể quần chúng ở hai miền Nam-Bắc. Đáp ứng nguyện vọng tha thiết của Nhân dân cả nước, đáp ứng quy luật khách quan của cách mạng và lịch sử dân tộc Việt Nam, Đảng đã lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

Ngày 25-4-1976, cử tri cả nước bỏ phiếu (bầu Quốc hội chung của cả nước với 492 đại biểu đủ các thành phần (Quốc hội khóa VI). Ngay sau đó, các tổ chức đoàn thể cách mạng cũng nhanh chóng được thống nhất.

Từ ngày 14 đến 20-12-1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã được tiến hành tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội đã xác định đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước trong giai đoạn mới và đường lối xây dựng kinh tế - xã hội. Đại hội đã bổ sung Điều lệ Đảng và đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội IV, Đảng đã lãnh đạo Nhân dân cả nước thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976-1980) và tiến hành cuộc chiến đấu bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc ở biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc.

Từ ngày 27 đến 31-3-1982, Đại hội đại biểu toàn quốc lần V của Đảng đã xác định hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta là: Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đại hội đã chỉ ra chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ bao gồm 5 năm 1981-1985 và kéo dài đến năm 1990; đồng thời, chỉ ra những nhiệm vụ bức thiết trước mắt về kinh tế - xã hội của đất nước.

***Thực hiện đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng, Nhân dân cả nước đã hăng hái tham gia khôi phục kinh tế, khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định sản xuất và đời sống. Đồng thời, tập trung thực hiện nhiệm vụ quốc phòng- an ninh, bảo vệ vững chắc biên cương của Tổ quốc, giữ gìn an ninh – chính trị và trật tự - an toàn xã hội.***

Tuy nhiên, những thành tựu về kinh tế - xã hội đạt được trong hơn 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước (1975-1986) còn thấp so với yêu cầu đặt ra và so với tiềm năng của đất nước, nền kinh tế mất cân đối nghiêm trọng, phân phối lưu thông rối ren, lạm phát “phi mã”, tỷ lệ thất nghiệp ở mức cao, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn. Đất nước rơi vào khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng; niềm tin của Nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng giảm sút.

Trước những khó khăn, thử thách đó, các địa phương, cơ sở và các tầng lớp nhân dân đã có những tìm tòi, đổi mới cách nghĩ, cách làm. Đồng thời, trên cơ sở nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, Trung ương Đảng đã có những bước đổi mới từng phần nhằm giải đáp những vấn đề thực tiễn đặc ra.

b) Đường lối đổi mới và quá trình thực hiện đường lối đổi mới của Đảng từ năm 1986 đến nay

***- Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật và nói rõ sự thật, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12-1986) đã nghiêm khắc kiểm điểm, khẳng định những thành tựu đạt được, đồng thời chỉ ra những yếu kém trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, từ đó phân tích những sai lầm, khuyết điểm, đặt biệt là khuyết điểm chủ quan, duy ý chí trong lãnh đạo phát triển kinh tế.*** Với tinh thần trách nhiệm vì nước, vì dân, Đại hội đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện về kinh tế, chính trị, văn hóa và đối ngoại, mở ra bước ngoặt trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trong đó, để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, Đại hội chỉ rõ Đảng phải đổi mới về nhiều mặt: Đổi mới tư duy, trước hết

là tư duy kinh tế; đổi mới tổ chức; đổi mới đội ngũ cán bộ; đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác.

Đại hội VI, của Đảng có ý nghĩa lịch sử quan trọng, thể hiện bước trưởng thành mới của Đảng, “đánh dấu bước chuyển quan trọng trong quá trình kế thừa và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Thành công của Đại hội là sức mạnh mới, là cơ sở hết sức quan trọng để tăng cường hơn nữa sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng và toàn dân ta”.

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (tháng 6- 1991) diễn ra trong bối cảnh quốc tế và trong nước có những diễn biến phức tạp, khó lường tác động sâu sắc đến công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nước ta: Các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô lâm vào khủng hoảng toàn diện; các thế lực thù địch ra sức chống phá quyết liệt từ nhiều phía nhằm xóa bỏ chủ nghĩa xã hội hiện thực; Việt Nam sau 05 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI đã có những bước khởi sắc, tuy nhiên chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội...

Đặc biệt, Đại hội đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (gọi tắt là Cương lĩnh năm 1991), Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 và Nhiệm vụ kinh tế - xã hội 5 năm 1991-1995. Đại hội đưa ra quan niệm tổng quát về xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, phương hướng cơ bản để xây dựng xã hội đó; khẳng định chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng; khẳng định phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII của Đảng, đất nước đã vượt qua một giai đoạn thử thách gay go, nhất là sự khủng hoảng của hệ thống xã hội chủ nghĩa những năm 1989 - 1991, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (từ ngày 22-6 đến ngày 01-7-1996) đã nhận định: Công cuộc đổi mới đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc. Đại hội quyết định chuyển đất nước sang thời kỳ mới: Thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã khẳng định: “Tiếp tục sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội” đề ra nhiệm vụ kinh tế - xã hội từ năm 1996 đến năm 2000

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (tháng 4-2001) đã kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII và khẳng định, trong 5 năm 1996-2000, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã vượt qua những khó khăn, thách thức, đạt được những thành tựu quan trọng. Tổng kết 15 năm đổi mới, Đại hội đã khẳng định: Thực tiễn phong phú và những thành tựu thu được qua 15 năm đổi mới đã chứng minh tính đúng đắn của Đảng, đồng thời giúp ta nhận thức càng rõ hơn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đảng và Nhân dân

ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đại hội thông qua Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001- 2010, đề ra mục tiêu sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần X của Đảng (tháng 4-2006) đã bổ sung, phát triển nhiều vấn đề về lý luận chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đặt ra nhiệm vụ tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh 1991, 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010. Với chủ đề: “Nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển”, Đại hội X của Đảng đã đánh dấu bước phát triển về đường lối, chính sách, về tổ chức và nhận sự đáp ứng yêu cầu của đất nước trong xu thế hội nhập thế giới.

- Đại hội XI của Đảng (tháng 01-2011) đã tiến hành tổng kết 20 năm thực hiện cương lĩnh 1991, 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 – 2010 và nhiệm vụ phát triển kinh tế 5 năm 2006 – 2011 theo Nghị quyết Đại hội X. Đặc biệt, một trong những đóng góp quan trọng có ý nghĩa lịch sử của Đại hội XI là đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)

Trên cơ sở kế thừa những nội dung cơ bản của Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 đã có nhiều điểm mới như: Bổ sung thành tựu của cách mạng Việt Nam sau 20 năm thực hiện Cương lĩnh 1991, bổ sung thêm 2 đặc trưng của xã hội chủ nghĩa mà Nhân dân Việt Nam đang xây dựng; đồng thời, có sự điều chỉnh trong hầu hết các đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa...

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (tháng 01-2016) đã tiến hành tổng kết 30 năm đổi mới, khẳng định: “Ba mươi năm đổi mới là một giai đoạn lịch sử quan trọng trong sự nghiệp phát triển của nước ta, đánh dấu sự trưởng thành về mọi mặt của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta. Đổi mới mang tầm vóc và ý nghĩa cách mạng là quá trình cải biến sâu sắc và toàn diện, triệt để, là sự nghiệp cách mạng to lớn của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”

Nhìn tổng thể, ***qua 30 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đồng thời cũng còn nhiều vấn đề phức tạp, nhiều hạn chế, yếu kém cần phải tập trung giải quyết khắc phục để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.***

*Về tăng trưởng kinh tế, trong suốt 30 năm qua, kinh tế Việt Nam đã đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn hẳn thời kỳ trước đổi mới. Sau giai đoạn đầu đổi mới (1986-1990) với mức tăng trưởng GDP bình quân hàng năm chỉ đạt 4,4%, nền kinh tế Việt Nam đã trải qua gần 20 năm với mức tăng trưởng rất ấn tượng:*

*Giai đoạn 1991-1995, GDP bình quân tăng 8,2%/năm gấp đôi so với 5 năm trước đó; giai đoạn 5 năm tiếp theo 1996-2000, mặc dù chịu tác động của khủng hoảng tài chính khu vực (1997-1999), GDP vẫn duy trì bình quân tăng 7,6%/năm. Giai đoạn 2001-2005, GDP tăng bình quân 7,34%; giai đoạn 2006-2010, do suy giảm kinh tế thế giới, Việt Nam vẫn đạt tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 6,32%/năm. Trong các năm tiếp theo, do chịu tác động từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008 và khủng hoảng nợ công 2010, tốc độ tăng trưởng GDP giai đoạn 2011 - 2015 của Việt Nam tuy đã chậm lại nhưng vẫn đạt 5,9%/năm, là mức cao của khu vực và thế giới.*

*Quy mô nền kinh tế tăng nhanh. Năm 2003, sau 16 năm đổi mới, GDP bình quân đầu người ở nước ta mới chỉ đạt 471 USD/năm thì đến năm 2015, quy mô nền kinh tế đã đạt khoảng 204 tỷ USD, thu nhập bình quân đầu người đạt gần 2.300 USD. Lực lượng sản xuất có nhiều tiến bộ cả về số lượng và chất lượng. Chất lượng tăng trưởng có mặt được cải thiện, trình độ công nghệ sản xuất có bước được nâng lên. Đóng góp của yếu tố năng suất tổng hợp TFP vào tăng trưởng nếu ở giai đoạn 2001-2005 chỉ đạt 21,4%, giai đoạn 2006-2010 đạt 17,2% thì trong giai đoạn 2011-2015 đã đạt 28,94%. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát.*

Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Kinh tế tăng trưởng khá, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước hình thành và phát triển. Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng – an ninh được tăng cường. Văn hóa – xã hội có bước phát triển; bộ mặt đất nước và đời sống Nhân dân có nhiều thay đổi. Dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng. Đại đoàn kết dân tộc được củng cố và tăng cường. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền và cả hệ thống chính trị được đẩy mạnh.

Sức mạnh về mọi mặt của đất nước được nâng lên; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa. Quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu, vị thế uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao.

Những thành tựu đó tạo tiền đề, nền tảng quan trọng để nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ trong những năm tới; khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, Đại hội XII cũng cho rằng chúng ta vẫn còn một số hạn chế, khuyết điểm:

Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận còn bất cập, chưa làm rõ được một số vấn đề đặt ra trong quá trình đổi mới để định hướng cho thực tiễn, cung cấp cơ sở khoa học để hoạch định đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn một số vấn đề cần phải qua tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận để tiếp tục làm rõ.

Kinh tế phát triển chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu và thực tế nguồn lực được huy động. Trong 10 năm gần đây, kinh tế vĩ mô thiếu ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế suy giảm, phục hồi chậm. Chất lượng hiệu quả, năng suất lao động xã hội và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Phát triển thiếu bền vững cả về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường. Nhiều vấn đề bức xúc nảy sinh nhất là các vấn đề xã hội và quản lý xã hội chưa được nhận thức đầy đủ và giải quyết có hiệu quả; còn tiềm ẩn những nhân tố và nguy cơ mất ổn định xã hội. Trên một số mặt, một số lĩnh vực, một bộ phận Nhân dân chưa được thụ hưởng đầy đủ, công bằng thành quả của công cuộc đổi mới. Đổi mới chính trị chưa đồng bộ với đổi mới kinh tế; năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị chưa ngang tầm nhiệm vụ.

Việc tạo nền tảng để cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại không đạt được mục tiêu đề ra.

Bốn nguy cơ được Đảng chỉ ra tại Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ khóa VII (tháng 01-1994) là: Tụt hậu xa hơn về kinh tế, lệch hướng xã hội chủ nghĩa, “diễn biến hòa bình”, và tham ô, tham nhũng vẫn tồn tại và diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch với những thủ đoạn mới nhất, nhất là triệt để sử dụng các phương tiện truyền thông trên mạng để chống phá ta và những biểu hiện “tự diễn biến, tự biến hóa” trong nội bộ. Niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân vào Đảng, chế độ có mặt bị giảm sút.

Những hạn chế khuyết điểm trên đây đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phải nỗ lực phấn đấu, không ngừng để khắc phục, tiếp tục đưa đất nước ta phát triển nhanh, bền vững theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, từ năm 1930 đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo Nhân dân tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách và giành được những thắng lợi vĩ đại: Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập tự do; thắng lợi của cuộc kháng chiến chống xâm lược mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, đại thắng mùa xuân năm 1975, giải phóng toàn dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế; thắng lợi của công cuộc đổi mới, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, tiếp tục đưa đất nước từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội với nhận thức và tư duy mới, đúng đắn, phù hợp thực tiễn Việt Nam.

Với những thắng lợi đã giành được từ khi Đảng ta ra đời, Việt Nam từ xứ nửa thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, chủ quyền đất nước được củng cố vững chắc, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa; Nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội, ngày càng ấm no, hạnh phúc, văn minh; đất nước ta đã vươn lên trở thành nước đang phát triển, vị thế và uy tín của đất nước ngày càng được nâng cao trên



trường quốc tế. Với những thành tựu to lớn đã đạt được, có thể khẳng định rằng, đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay.

### **III. MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHỦ YẾU CỦA ĐẢNG TRONG QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO CÁCH MẠNG VIỆT NAM (20 phút)**

Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được Đại hội VII của Đảng thông qua (tháng 6-1991) đã nêu lên 5 bài học chủ yếu. Sau 20 năm thực hiện Cương lĩnh 1991, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011), thông qua tại Đại hội XI của Đảng (tháng 01 năm 2011) cũng đã nêu bật 5 bài học chủ yếu. Đó là sự tổng kết những bài học của toàn bộ tiến trình cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo.

#### ***Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội***

*Trong suốt tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta đã rút ra năm bài học lớn; trong đó, bài học số một là “nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”. Đây là sự tổng kết sâu sắc về lịch sử và lý luận, “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt đường lối cách mạng nước ta, được thể hiện sâu sắc trong Cương lĩnh chính trị và các văn kiện đại hội Đảng. Bài học đó, đến nay vẫn còn nguyên giá trị trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc mà văn kiện trình Đại hội XII của Đảng tiếp tục khẳng định.*

Đây là bài học xuyên suốt quá trình cách mạng nước ta có ý nghĩa như một quy luật phát triển tất yếu của cách mạng và dân tộc Việt Nam trong thời đại mới. Độc lập dân tộc là điều kiện kiên quyết để xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở đảm bảo vững chắc cho độc lập dân tộc. Hai vấn đề này có quan hệ hữu cơ với nhau. Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội tạo ra sức mạnh to lớn của dân tộc trong đấu tranh cách mạng, giành thắng lợi.

Ngay từ Cương lĩnh đầu tiên (đầu năm 1930), Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định rõ con đường phát triển của cách mạng là làm cho nước Nam hoàn toàn độc lập để đi tới xã hội cộng sản. Mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội được kiên trì thực hiện trong các thời kỳ phát triển của cách mạng. Có thời kỳ, độc lập dân tộc đặt lên hàng đầu và trực tiếp, chủ nghĩa xã hội định hướng đi tới (1930-1954); có thời kỳ cả hai mục tiêu chiến lược đó được thực hiện đồng thời, có quan hệ mật thiết và quyết định lẫn nhau (1954-1975) và từ sau năm 1975, nhất là từ khi thực hiện công cuộc đổi mới, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội được nhận thức và thực hiện với những nội dung và thành tựu mới đã khẳng định giá trị khoa học và hiện thực của con đường gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã lựa chọn – sự lựa chọn dứt khoát từ năm 1930 khi Đảng ra đời.

Trong công cuộc đổi mới từ năm 1986, Đảng đã từ kinh nghiệm trong nước và quốc tế, sớm đề ra những nguyên tắc chỉ đạo quá trình đổi mới. Một trong những nguyên tắc đó là: “Đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu của

nước ta, là sự lựa chọn sáng suốt của Bác Hồ và của Đảng ta. Xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, là lý tưởng của Đảng và Nhân dân ta. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan hệ đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp”.

Trải qua hơn 30 năm đổi mới, nhận thức về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đã không ngừng phát triển. Độc lập dân tộc là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển đảo của Tổ quốc; là bảo vệ Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ cuộc sống của Nhân dân; là bảo vệ công cuộc đổi mới và con đường phát triển độc lập tự chủ của đất nước; là bảo vệ giá trị truyền thống và văn hóa dân tộc; là giữ gìn môi trường hòa bình hữu nghị hợp tác với tất cả các nước và tích cực chủ động hội nhập quốc tế. Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội được Đảng và Nhân dân Việt Nam nhận thức ngày càng sáng tỏ hơn cả về mục tiêu, mô hình; nội dung và khả năng bỏ qua chủ nghĩa tư bản để tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội và những giải pháp cần thiết để thực hiện mục tiêu của chủ nghĩa xã hội phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

Độc lập dân tộc là khát vọng cao cả của toàn dân tộc, mục tiêu chiến lược của Đảng, nhưng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh, nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng không có nghĩa lý gì. Vì vậy, độc lập phải đi tới chủ nghĩa xã hội để giải phóng triệt để giai cấp, xã hội và con người, mang lại tự do, hạnh phúc thật sự cho mọi người.

***Hai là, sự nghiệp cách mạng là của Nhân dân, do Nhân dân vì Nhân dân.***

Lý luận Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và thực tiễn cách mạng nước ta đã khẳng định một chân lý: Nhân dân là người làm nên thắng lợi lịch sử. Để phát huy sức mạnh vĩ đại của Nhân dân, sự lãnh đạo và toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân; đại biểu trung thành cho lợi ích của Nhân dân.

Trong tác phẩm Đường Cách mệnh (1927), lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh nêu rõ: “Cách mệnh là việc chung của dân chúng chứ không phải việc của một hai người”. Cách mạng là sự nghiệp của Nhân dân, do Nhân dân xuất phát từ quan niệm đúng đắn đó và đã được chứng minh trong lịch sử. Người nhấn mạnh: “Chúng ta đã hy sinh làm cách mạng, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc”.

Trong thực tế lịch sử, nhờ phát huy được sức mạnh của toàn dân mà có được thắng lợi vẻ vang của Cách mạng tháng Tám năm 1945 mở ra thời đại mới trong lịch sử dân tộc, có được thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt chống đế quốc, thực dân, giành độc lập thống nhất hoàn toàn và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Bước vào công cuộc đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đặt lên hàng đầu bài học: Lấy dân làm gốc. Mục tiêu của đổi mới cũng nhằm xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội với chất lượng, hiệu quả cao chăm lo cải thiện đời sống của

Nhân dân. Cũng cần nhấn mạnh rằng, chính lợi ích, sáng kiến, nguyện vọng của Nhân dân là nguồn gốc của đường lối đổi mới. Cũng chính Nhân dân là người tích cực hưởng ứng, thực hiện đường lối đổi mới và mang lại lợi ích cho chính mình. Đảng, Nhà nước đã tổ chức, hướng dẫn, động viên cao độ sức dân để làm lợi ích cho dân. Sự thống nhất giữa đường lối của Đảng với lợi ích, nguyện vọng của Nhân dân đã thật sự làm nên thắng lợi của công cuộc đổi mới. Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 nhấn mạnh: “toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân. Quan liêu, tham nhũng, xa rời Nhân dân sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng.”

*Sau 45 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta đã, đang và sẽ nỗ lực không ngừng để làm cho người dân Việt Nam ngày càng ấm no, hạnh phúc. Tư tưởng nhân văn cao cả trong Di chúc vẫn đang tiếp tục soi sáng trên mỗi bước đường đi và sự nỗ lực không ngừng nghỉ của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta để vươn tới điều mong muốn cuối cùng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Di chúc là: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”.*

***Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: Đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.***

Đoàn kết là truyền thống quý báu và là bài học lịch sử to lớn, lâu dài của dân tộc ta đã được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh vận dụng thành công, tạo nên nguồn sức mạnh to lớn để dành thắng lợi. Phát huy sức mạnh toàn dân tộc là động lực chủ yếu để đẩy mạnh công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, phấn đấu đưa Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Trong Cương lĩnh đầu tiên tại Hội nghị thành lập Đảng (đầu năm 1930) Đảng và Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã nêu cao tư tưởng, đoàn kết mọi giai cấp, tầng lớp, lực lượng trong xã hội, đoàn kết và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế, đoàn kết thống nhất trong nội bộ Đảng, xóa bỏ mọi thành kiến, xung đột của các tổ chức cộng sản trước đó. Nhờ đoàn kết mà cách mạng Việt Nam vượt qua biết bao thử thách khó khăn, có lúc tưởng chừng không vượt nổi để đi đến thắng lợi. Trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh, đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ trung ương đến các chi bộ phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Trong công cuộc đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam không ngừng củng cố đoàn kết toàn Đảng phấn đấu vì nước, vì dân. Đoàn kết toàn Đảng trước hết phải dựa trên nền tảng tư tưởng của Đảng là Chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; đoàn kết dựa trên Cương lĩnh, đường lối và Điều lệ Đảng phấn đấu thực hiện mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; đoàn kết phải dựa trên những nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, đặc biệt là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình có lý, có tình và thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng.

Đoàn kết toàn dân và đoàn kết dân tộc phải dựa trên phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ thật sự của Nhân dân. Lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh làm điểm tương đồng; xóa bỏ mặc cảm, định kiến về quá khứ, thành phần giai cấp, chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích của dân tộc; đề cao tin thần dân tộc, truyền thống nhân nghĩa, khoan dung... để tập hợp, đoàn kết mọi người vào mặt trận chung, tăng cường đồng thuận xã hội. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải dựa trên cơ sở giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích giữa các thành viên trong xã hội.

*Cơ sở trực tiếp của đoàn kết toàn Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đúng đắn của Đảng, các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; tình thương yêu đồng chí, tôn trọng lẫn nhau giữa những đảng viên cộng sản. Cơ sở sâu xa và cơ bản nhất của đoàn kết toàn Đảng là sự thống nhất về lợi ích. Điều này đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Ngoài lợi ích của Tổ quốc, của giai cấp, của dân tộc Đảng ta không có lợi ích nào khác". Nhờ đó, toàn thể đảng viên là một khối thống nhất về ý chí và hành động, toàn dân, các dân tộc trên đất nước ta là một khối dưới sự lãnh đạo của Đảng; từ đó, sẽ tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới; cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Thực tế hiện nay cho thấy, cùng với việc quan tâm đến cơ sở trực tiếp của đoàn kết toàn Đảng, cần đặc biệt quan tâm đến cơ sở sâu xa và cơ bản nhất của đoàn kết toàn Đảng. Nếu để hình thành các nhóm lợi ích trong các tổ chức đảng, hoặc trong hoạt động, tổ chức đảng bị chi phối bởi một nhóm lợi ích nào đó, thì khó tránh khỏi mất đoàn kết; ảnh hưởng không nhỏ đến đoàn kết toàn dân và đoàn kết dân tộc; thậm chí Đảng khó tránh khỏi tan rã; khối đoàn kết toàn dân, đoàn kết các dân tộc cũng không thể tồn tại và cách mạng không tránh khỏi thất bại.*

***Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế***

Bài học kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại được thể hiện xuyên suốt quá trình cách mạng Việt Nam và ở mỗi thời kỳ cách mạng lại có những nội dung cần được nhận thức rõ và nhấn mạnh

Khi đi tìm con đường giải phóng dân tộc, Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh đã nhận thức rõ các dân tộc thuộc địa phải dựa vào sức của mình để tự giải phóng. Đồng thời, Người cũng ra sức tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của bạn bè, đồng chí quốc tế. “Nhưng muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã”. Cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945 thắng lợi là kết quả của ý chí tự lực tự cường của dân tộc Việt Nam quyết đem sức ta mà tự giải phóng cho ta, đồng thời tranh thủ được thời cơ thuận lợi khi chủ nghĩa phát xít đầu hàng đồng minh. Các cuộc kháng chiến oanh liệt chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược thắng lợi là nhờ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời có sự giúp đỡ to lớn, có hiệu quả của các nước xã hội chủ nghĩa, sự ủng hộ của bạn bè quốc tế, trong đó cả nhân dân tiến bộ Pháp và Mỹ.

Trong công cuộc đổi mới, Đảng, Nhà nước bằng hệ thống chính sách, pháp luật đã khơi dậy mạnh mẽ mọi tiềm năng, thế mạnh của đất nước, đất đai và các tài nguyên khác, sức lao động và năng lực sáng tạo của Nhân dân tạo thành nội lực to lớn của đất nước với ý chí vươn lên thoát khỏi đói nghèo, ra khỏi tình trạng nước kém phát triển. Mặt khác, với đường lối chính sách đối ngoại đúng đắn đã tranh thủ có hiệu quả vốn đầu tư của nước ngoài, đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế, kết hợp đúng đắn nội lực với ngoại lực.

Với việc đưa ra khái niệm “hội nhập quốc tế” trong văn kiện chính thức, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (1996) đã nhấn mạnh về sự cần thiết phải “...đẩy nhanh quá trình hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới”. Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII của Đảng làm rõ thêm nguyên tắc hội nhập quốc tế của Việt Nam là “tích cực và chủ động thâm nhập và mở rộng thị trường quốc tế”. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (4-2001) đã tiến thêm một bước mới với phương châm “Việt Nam sẵn sàng là bạn và là đối tác tin cậy của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới”. Đại hội khẳng định: “Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, đảm bảo độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường”. Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (2006), Đảng ta còn hướng tới mục tiêu: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác trên các lĩnh vực khác”.

Trong thời đại ngày nay, dưới tác động của cách mạng khoa học công nghệ, toàn cầu hóa, quan hệ quốc tế ngày càng được mở rộng, các yếu tố bên trong và bên ngoài có quan hệ biện chứng, tác động lẫn nhau. Sức mạnh dân tộc, sức mạnh trong nước là sức mạnh tổng hợp của nhiều nguồn lực, trong đó đoàn kết toàn dân tộc, phát huy dân chủ, xây dựng mục tiêu, vừa là động lực để phát triển đất nước. Sức mạnh thời đại, sức mạnh quốc tế trước hết là sức mạnh của quy luật và xu thế phát triển không thể đảo ngược của lịch sử nhân loại; là sức mạnh của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, của các thể lực cách mạng và tiến bộ trên thế giới.

Việt Nam tích cực tham gia vào hầu hết các cơ chế hợp tác, liên kết kinh tế đa phương từ cấp độ toàn cầu (WTO, WB, IMF...), liên khu vực (ASEM, APEC, FEALAC...), khu vực (ASEAN, ADB...) cho đến mạng lưới các FTA với hầu hết các trung tâm kinh tế - thương mại hàng đầu thế giới cho thấy Việt Nam ngày càng gắn kết sâu rộng hơn với thế giới, là nền kinh tế có độ mở cao hàng đầu khu vực Đông Nam Á, một “mắt xích” trong các liên kết kinh tế khu vực và liên khu vực quan trọng. Việc tham gia các FTA thế hệ mới, nhất là CPTPP và EVFTA, là những đột phá quan trọng của hội nhập quốc tế của nước ta. Với 16 FTA đã thực thi, đang đàm phán và chuẩn bị phê chuẩn, Việt Nam trở thành tâm điểm của mạng lưới kết nối FTA sâu rộng và toàn diện chiếm 59% dân số thế giới, 61% GDP và 68% thương mại toàn cầu, góp phần tăng dần xen lợi ích với hầu hết các trung tâm kinh tế hàng đầu thế giới. Như vậy, gia nhập WTO đã tạo đà cho hội

*nhập quốc tế của Việt Nam toàn diện, đa chiều, đa lĩnh vực. Và dù tham gia hội nhập quốc tế ở cấp độ và hình thức nào, Việt Nam cũng được đánh giá là thành viên tích cực, có trách nhiệm và thực thi nghiêm túc các cam kết hội nhập quốc tế.*

***Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.***

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Cách mệnh trước hết phải có cái gì? Trước hết phải có Đảng cách mệnh, đề trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”.

Từ khi ra đời và trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng chỉ có mục tiêu là giải phóng dân tộc, giành độc lập thống nhất hoàn toàn, xây dựng chủ nghĩa xã hội mang lại cuộc sống tự do, sung sướng hạnh phúc cho Nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn khẳng định: Ngoài lợi ích của giai cấp, dân tộc và Nhân dân, Đảng không có lợi ích nào khác.

Để hoàn thành được sự mệnh lịch sử vẻ vang đó, Đảng phải thật sự là đội tiên phong lãnh đạo, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, thường xuyên tự đổi mới và chỉnh đốn để xứng đáng là người lãnh đạo và người đầy tớ thật trung thành của Nhân dân như mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Toàn Đảng và mỗi cán bộ đảng viên phải nâng cao trình độ trí tuệ, tư tưởng và lý luận. “Đảng phải nắm vững, vận dụng sáng tạo, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng làm giàu trí tuệ, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực tổ chức để đủ sức giải quyết các vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra”. Đảng coi trọng xây dựng, phát triển Cương lĩnh, đường lối và chủ trương của Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tiễn của đất nước và lợi ích chính đáng của Nhân dân, xuất phát từ sự vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan, khắc phục hiệu quả chủ quan, duy ý chí. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) nhấn mạnh: “Phải phòng và chống những nguy cơ lớn: Sai lầm về đường lối, bệnh quan liêu và sự tha hóa, biến chất của cán bộ, đảng viên”.

Thực tiễn phong phú, sinh động của cách mạng Việt Nam đã chứng tỏ, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Mặt khác, thông qua quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta được tôi luyện và ngày càng trưởng thành, xứng đáng với vai trò và sứ mệnh lãnh đạo cách mạng và sự tin cậy, kỳ vọng của Nhân dân. Thực tiễn đó khẳng định một chân lý: Ở Việt Nam, không có một lực lượng chính trị nào khác, ngoài Đảng Cộng sản Việt Nam có đủ bản lĩnh, trí tuệ, kinh nghiệm, uy tín và khả năng lãnh đạo đất nước vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đưa sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

*Việt Nam đã trở thành một quốc gia có quy mô dân số gần 100 triệu người với mức thu nhập bình quân 2.800 USD/người; đã tham gia hầu hết các tổ chức quốc tế, trở thành một thành viên tích cực, có trách nhiệm trong các*

*hoạt động của cộng đồng quốc tế. Mới đây, được Đại hội đồng Liên hiệp quốc bầu với số phiếu tín nhiệm rất cao, lần thứ hai trở thành Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc. Với những thành tựu to lớn đã đạt được, chúng ta có cơ sở để khẳng định rằng, đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay.*

Từ bài học của quá trình cách mạng, sự lãnh đạo của Đảng hiện nay tập trung vào bổ sung, phát triển Cương lĩnh, làm sáng tỏ hơn những vấn đề lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nhận thức lý luận và thực tiễn chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, lý luận về Đảng cầm quyền, Nhà nước pháp quyền, về văn hóa và con người, về quốc phòng, an ninh, đối ngoại và về thời đại. Đảng chăm lo xây dựng Đảng về tổ chức, tăng cường kỷ luật Đảng, học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng./.

#### **\* KẾT LUẬN (05 phút)**

Qua nội dung bài học đề nghị các đồng chí đoàn viên phải nắm được nội dung cơ bản, cốt lõi về sự ra đời của Đảng Cộng Sản Việt Nam là một tất yếu khách quan; vị trí, vai trò và những thành tựu lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng; những bài học kinh nghiệm chủ yếu của Đảng trong tiến trình lãnh đạo Cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay.

Học tập, nghiên cứu để hiểu biết về quá trình đấu tranh cách mạng và truyền thống của Đảng không phải chỉ để tự hào về Đảng, mà quan trọng hơn là thanh niên cần nâng cao hơn nữa niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, ra sức phấn đấu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, để công cuộc đổi mới giành thắng lợi to lớn hơn. Trên những vị trí công tác, lao động và học tập của mình, thanh niên phải góp phần tích cực vào công tác xây dựng, bảo vệ Đảng, góp phần làm cho Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh; ra sức học tập, rèn luyện phấn đấu để trở thành những đảng viên của Đảng, đem tài năng và sức trẻ cống hiến cho sự nghiệp của Đảng, làm cho những thành tựu và truyền thống của Đảng ngày càng phát triển và phong phú hơn.

Từ đó, luôn nêu cao trách nhiệm của mình trong phấn đấu rèn luyện, học tập, công tác, quyết tâm hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp chung của Đảng, của nhân dân, nhất là ra sức đấu tranh chống lại mọi âm mưu thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, đặc biệt là trong chiến lược “diễn biến hòa bình”; bạo loạn lật đổ; “phi chính trị hóa” quân đội với mục đích cuối cùng nhằm hạ thấp và làm mất dần vai trò lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Quân đội nhân dân Việt Nam.

**Phần ba: HƯỚNG DẪN ÔN TẬP (10 phút)**

**Câu hỏi 1.** Vì sao nói sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930 là một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam?

**Câu hỏi 2.** Làm rõ những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đến nay?

**Câu hỏi 3.** Chứng minh đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam?

**Câu hỏi 4.** Trình bày một số bài học kinh nghiệm chủ yếu của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay?

**Câu hỏi 5.** Liên hệ thực tiễn bản thân sau khi học xong chuyên đề này?

**Câu hỏi 6.** Hiện nay, một bộ phận thanh niên có tình trạng “nhạt Đảng, khô Đoàn, xã rời chính trị”. Đồng chí đánh giá thế nào về vấn đề này và đề xuất giải pháp khắc phục tình trạng trên?